

Số: /BC-SCT

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

Một số nội dung về việc ban hành, sơ tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1988/UBND-TH ngày 10/5/2021 báo cáo về việc ban hành, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; Sở Công Thương có báo cáo như sau:

1. Thực trạng việc ban hành và sơ tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ban hành trong nhiệm kỳ 2010-2015, nhiệm kỳ 2015-2020

1.1. Các nghị quyết, kết luận được Sở Công Thương tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành và sơ kết, tổng kết (sắp xếp thành danh mục nội dung văn bản theo từng lĩnh vực)

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư, khóa XVIII về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

- Kết luận số 18-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, khóa XIX về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2016-2020.

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5, khóa XIX về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 (*Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, Sở Công Thương phối hợp đối với lĩnh vực dịch vụ*).

1.2. Khái quát quy trình xây dựng đối với từng loại văn bản:

1.2.1. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVIII;

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi*) tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy khóa XVII về phát triển công nghiệp và Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy khóa XVII về phát triển Khu kinh tế Dung Quất (*trong lĩnh vực công nghiệp*) và đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển công nghiệp trong giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá 05 năm tình hình thực hiện Nghị quyết 02, Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy khóa XVII ; Sở Công Thương xây dựng dự thảo Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện để hoàn chỉnh dự thảo và tham mưu UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh xem xét, hợp thống nhất và

trình Tỉnh ủy để tổ chức họp, lấy ý kiến tham gia hoàn chỉnh dự thảo lần cuối và thông qua.

Đồng thời với quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án đẩy mạnh phát triển Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 nhằm đảm bảo cho Nghị quyết có tính khả thi.

1.2.2. Kết luận số 18-KL/TU ngày 19/4/2016

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX và Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư, khóa XVIII về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi*) tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy khóa XVIII về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá 05 năm thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy khóa XVIII, Sở Công Thương xây dựng dự thảo Kết luận về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2016 – 2020, tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện để hoàn chỉnh dự thảo và tham mưu UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh xem xét, họp thống nhất và trình Tỉnh ủy để tổ chức họp, lấy ý kiến tham gia hoàn chỉnh dự thảo lần cuối và thông qua.

1.2.3. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 (*Đối với phần dịch vụ*)

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX;

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có chức năng quản lý Nhà nước đối với các ngành dịch vụ, tiến hành đánh giá tổng kết 5 năm tình hình phát triển dịch vụ và đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong giai đoạn 2016-2020;

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá 05 năm tình hình phát triển dịch vụ, Sở Công Thương phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (*chủ trì*) xây dựng dự thảo Nghị quyết về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện để hoàn chỉnh dự thảo và tham mưu UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh xem xét, họp thống nhất và trình Tỉnh ủy để tổ chức họp, lấy ý kiến tham gia hoàn chỉnh dự thảo lần cuối và thông qua.

1.3. Đánh giá khái quát về kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận

1.3.1. Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 24/6/2011

- **Ưu điểm:** Công nghiệp tiếp tục phát triển, đóng góp lớn vào quy mô và tăng trưởng kinh tế, là nhân tố quyết định thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 6%/năm; tỷ trọng công nghiệp trong GRDP tỉnh tăng từ 53% năm 2010 lên 57% năm 2015. Kết cấu hạ tầng

khu kinh tế, các khu cụm công nghiệp được đầu tư, từng bước hoàn thiện theo quy hoạch. Môi trường đầu tư, kinh doanh có bước cải thiện. Các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh tăng trưởng khá. Khu kinh tế Dung Quất, trọng tâm là Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú tiếp tục đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội; Khu công nghiệp – Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi tạo động lực mới cho sự phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ của tỉnh.

- **Hạn chế:** Một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch; tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; giá trị sản xuất công nghiệp, thu ngân sách Nhà nước phụ thuộc nhiều vào sản lượng, giá trị sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Ngoài Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, Doosan Vina..., các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh hầu hết quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, trình độ quản trị thấp, sức cạnh tranh yếu, chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu công nghiệp của tỉnh; chưa thu hút được dự án công nghiệp có quy mô lớn. Công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển. Lao động công nghiệp trong tổng số lao động xã hội chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Phát triển công nghiệp chưa đồng bộ với phát triển dịch vụ, đô thị. Một số dự án công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, chậm tiến độ, lãng phí đất đai, gây bức xúc trong xã hội...

1.3.2. Kết luận số 18-KL/TU ngày 19/4/2016

- Ưu điểm:

+ Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách của tỉnh, trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo, kim ngạch năm 2020 đạt 1,3 tỷ USD và là ngành giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Tỉnh Quảng Ngãi đã và đang tập trung thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển công nghiệp; năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng ngành công nghiệp vẫn đạt được những kết quả quan trọng. Giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất công nghiệp (GOCN) tăng 4,66%/năm, giá trị tăng thêm công nghiệp (VACN) tăng 4,88%/năm (vượt mục tiêu Nghị quyết XIX).

+ Cơ cấu ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh luôn chiếm tỷ trọng cao, năm 2020 đạt 47,45%; cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp cũng có sự chuyển biến tích cực, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chế tạo ngày càng tăng, một số ngành công nghiệp như: Lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, dệt may, chế biến nông lâm thủy sản, điện, điện tử... đã có những bước phát triển khá.

+ Hạ tầng khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, khai thác thế mạnh sẵn có của địa phương để phát triển công nghiệp. Công tác xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh, thu hút được nhiều dự án, trong đó có một số dự án lớn có sức lan tỏa, phát triển được một số doanh nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày. Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất có bước cải thiện, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề tăng lên.

- **Hạn chế:** Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi phát triển chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, thiếu tính bền vững, khả năng cạnh tranh còn hạn chế. Công nghiệp chế biến, chế tạo phần lớn hoạt động ở phân khúc

thấp trong chuỗi giá trị. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm. Sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp mới không nhiều. Một số sản phẩm chủ lực có xu hướng giảm. Đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, máy móc thiết bị, công nghệ chưa hiện đại, năng suất lao động, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập thấp. Sản phẩm chế biến thô và gia công còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu hàng hóa xuất khẩu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều. Công tác xúc tiến đầu tư vào khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp được quan tâm nhưng hiệu quả còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều dự án lớn, có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Một số dự án đã đăng ký đầu tư nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, nhiều dự án bị thu hồi đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển ngành. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao chưa đáp ứng nhu cầu, đa số lao động công nghiệp có trình độ, tay nghề thấp. Tình trạng ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp gia tăng, một số cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, khí thải độc hại nhưng chưa được xử lý có hiệu quả. Hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất công nghiệp không cao, một số nơi có lãng phí sử dụng đất công nghiệp. Nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp còn phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước; hoạt động xã hội hoá, thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế. Hạ tầng Khu công nghiệp Phố Phong chưa phát triển.

1.3.3. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 (Đối với phân dịch vụ)

- **Ưu điểm:** Ngành dịch vụ tiếp tục phát triển và đạt nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ (theo giá so sánh) giai đoạn 2016-2020 bình quân đạt 5,29%/năm; tỷ trọng ngành dịch vụ trong GRDP năm 2015 là 26,1% đến năm 2020 tăng lên chiếm 28,41%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết (28-29%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 53.630 tỷ đồng, gấp 1,4 lần so với năm 2015. Ngành đã thu hút được một số doanh nghiệp lớn, có thương hiệu trong lĩnh vực dịch vụ đầu tư phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại, các cơ sở giáo dục đào tạo, y tế, bất động sản, giao thông vận tải, cảng biển, tài chính ngân hàng, viễn thông... tạo tiền đề để thúc đẩy phát triển dịch vụ trong những năm đến.

- **Hạn chế:** Ngành dịch vụ quy mô còn nhỏ, chưa đóng góp nhiều cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm. Nhiều ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn phát triển chậm. Trong lĩnh vực dịch vụ thương mại, đến nay vẫn chưa hình thành, phát triển được trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm logistics để thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa, hoạt động xuất nhập khẩu; nguồn nhân lực ngành dịch vụ còn hạn chế về số lượng và chất lượng, trình độ, tay nghề chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới và phát triển.

1.4. Quy trình và hiệu quả, chất lượng việc sơ, tổng kết các nghị quyết, kết luận

- Định kỳ, qua 02 năm rưỡi đầu triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, phát triển dịch vụ và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, của UBND tỉnh, Sở Công Thương tiến hành thu thập số liệu, nắm bắt, đánh giá tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp khắc phục những yếu kém, hạn chế và báo cáo, tham mưu UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình Tỉnh ủy tổ chức sơ kết và

định kỳ 05 năm thì tiến hành tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy.

- Nhìn chung việc sơ kết, tổng kết 02 Nghị quyết và 01 Kết luận của Tỉnh ủy trong thời gian qua, đảm bảo về chất lượng và hiệu quả. Qua khâu sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Tỉnh ủy, Tỉnh ủy đã kịp thời bổ sung những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn. Trong quá trình sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm đã khẳng định rõ những việc đã thực hiện được, chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm và đề ra những biện pháp khắc phục, tháo gỡ.

2. Đánh giá những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân về quy trình xây dựng, ban hành và việc sơ, tổng kết các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy

2.1. Về sơ kết, tổng kết các nghị quyết, kết luận chuyên đề của Tỉnh ủy

Sở Công Thương có gặp khó khăn trong việc thu thập, nắm bắt chính xác số liệu, tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy để đánh giá đúng ưu, khuyết điểm, nguyên nhân hạn chế, bài học kinh nghiệm, từ đó đề giải pháp khắc phục hữu hiệu. Nguyên nhân khó khăn chủ yếu:

Một là, lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ có liên quan đến nhiều sở ngành, địa phương và doanh nghiệp, tuy nhiên sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết các nghị quyết, kết luận chuyên đề của Tỉnh ủy nhiều khi chưa kịp thời và chưa đảm bảo chất lượng theo nội dung yêu cầu.

Hai là, việc trực tiếp khảo sát, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp thường mất nhiều thời gian, đồng thời doanh nghiệp do yếu tố bí mật kinh doanh nên cũng ngại và cung cấp thông tin rất hạn chế, không đầy đủ.

2.2. Về quy trình xây dựng, ban hành các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy

- Tóm tắt quy trình, xây dựng:

Đầu nhiệm kỳ 5 năm và ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy và UBND tỉnh có chỉ đạo đối với Sở Công Thương nghiên cứu, xây dựng dự thảo các nghị quyết hoặc kết luận chuyên đề về công nghiệp, về thương mại dịch vụ gắn kết với việc tổng kết đánh giá kết quả 5 năm thực hiện các nghị quyết, kết luận chuyên đề của giai đoạn trước và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức, đơn vị có liên quan để hoàn thiện đúng tiến độ quy định và trình UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh xem xét, họp thống nhất hoặc tiếp tục tổ chức lấy ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo nghị quyết, kết luận trước khi trình Tỉnh ủy để Tỉnh ủy tổ chức họp, lấy ý kiến tham gia, tiếp tục hoàn thiện lần cuối dự thảo nghị quyết, kết luận và thông qua.

- Những khó khăn: Căn cứ trực tiếp và chủ yếu để xây dựng các nghị quyết, kết luận chuyên đề về phát triển công nghiệp, phát triển thương mại dịch vụ là Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết, kết luận chuyên đề về phát triển công nghiệp, phát triển thương mại dịch vụ của giai đoạn liền trước; trong đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh là chủ

trương, quan điểm, định hướng chung còn nghị quyết, kết luận chuyên đề là cụ thể hóa, phải đảm bảo đúng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đồng thời phải đảm bảo sát đúng với thực tế của tỉnh và dự báo tốt xu hướng phát triển từng lĩnh vực ngành trong giai đoạn đến, tức phải có căn cứ thực tiễn và căn cứ khoa học nhằm đảm bảo khả thi. Tuy nhiên, việc đánh giá đúng tình hình, thực trạng và dự báo tốt xu hướng phát triển lĩnh vực ngành giai đoạn đến trong mối quan hệ tác động các yếu tố trong nước, khu vực và thế giới như đã nêu tại điểm 2.1 trên của cán bộ, chuyên viên Sở nghiên cứu, xây dựng dự thảo nghị quyết, kết luận còn khó khăn, hạn chế.

3. Nêu những kinh nghiệm, những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra

Năm 2011, Sở Công Thương tham mưu xây dựng Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư, khóa XVIII về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 có thuận lợi. Kinh nghiệm rút ra là nhờ lúc đó Sở đã và đang xây dựng hoàn chỉnh Đề án đẩy mạnh phát triển Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2020 và trên cơ sở Đề án này, Sở đã tham mưu xây dựng tốt Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011.

4. Đề xuất giải pháp và kiến nghị cần đổi mới trong việc xây dựng, ban hành và sơ tổng kết các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy

Để xây dựng tốt nghị quyết, kết luận chuyên đề của Tỉnh ủy, ngoài căn cứ chủ yếu, trực tiếp là Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết, kết luận chuyên đề của giai đoạn trước, Sở chuyên ngành được giao nhiệm vụ cần phải tổ chức xây dựng, hoàn thiện Đề án trước nhằm góp phần xây dựng tốt nghị quyết, kết luận.

Đồng thời, UBND tỉnh và Tỉnh ủy cần quan tâm, tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực soạn thảo nghị quyết, cơ chế, chính sách phát triển (*phân tích, đánh giá tình hình, dự báo xu hướng phát triển*) cho cán bộ, chuyên viên các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện nhằm góp phần bảo đảm cho nghị quyết, kết luận, cơ chế, chính sách phát triển có chất lượng, hiệu quả và đi vào cuộc sống.

Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng: KHTCTH, QLCN, QLTM;
- Lưu: VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Rân